

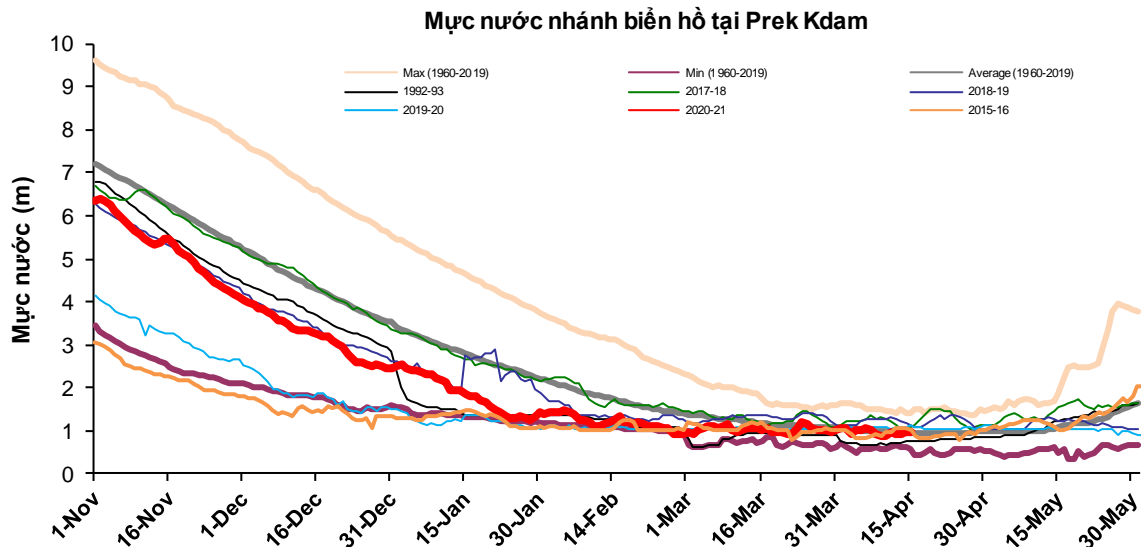
**BẢN TIN DỰ BÁO TUẦN**  
**DỰ BÁO NGUỒN NƯỚC VÙNG ĐỒNG BẰNG SÔNG CỬU LONG**  
**PHỤC VỤ CHỈ ĐẠO SẢN XUẤT VÀ ĐIỀU HÀNH CẤP NƯỚC**  
**MÙA KIẾT NĂM 2021**  
**(Tuần từ 16/04-23/04/2021)**

**1. DIỄN BIẾN NGUỒN NƯỚC SÔNG MÊ CÔNG**

Lưu vực sông Mê Công đang vào cuối thời kỳ mùa khô năm 2021. Nước từ thượng nguồn Trung quốc sau thủy điện Cảnh Hồng hiện vào khoảng 1.500 m<sup>3</sup>/s. Hai yếu tố thượng lưu quan trọng đến diễn biến nguồn nước, xâm nhập mặn ở ĐBSCL là lượng trữ trong Biển Hồ (Tonle Sap) và dòng chảy đến Kratie (đầu châu thổ Mê Công) được cập nhật dưới đây.

**1.1. Chế độ nước trong Biển Hồ (Tonle Sap)**

Mức nước nhánh vào hồ Tonle Sap tại Prek Kdam (Hình 1), ngày 15/04 ở cao trình 0,96m. Dung tích hồ còn khoảng 1,68 tỷ m<sup>3</sup>, Biển Hồ ở giai đoạn cuối giai đoạn xả nước, đóng góp dòng chảy từ biển hồ hàng ngày xuống hạ lưu còn ít quan trọng.



Hình 1. Diễn biến nước trạm Prek Kdam - Biển hồ, cập nhật ngày 15/04/2021

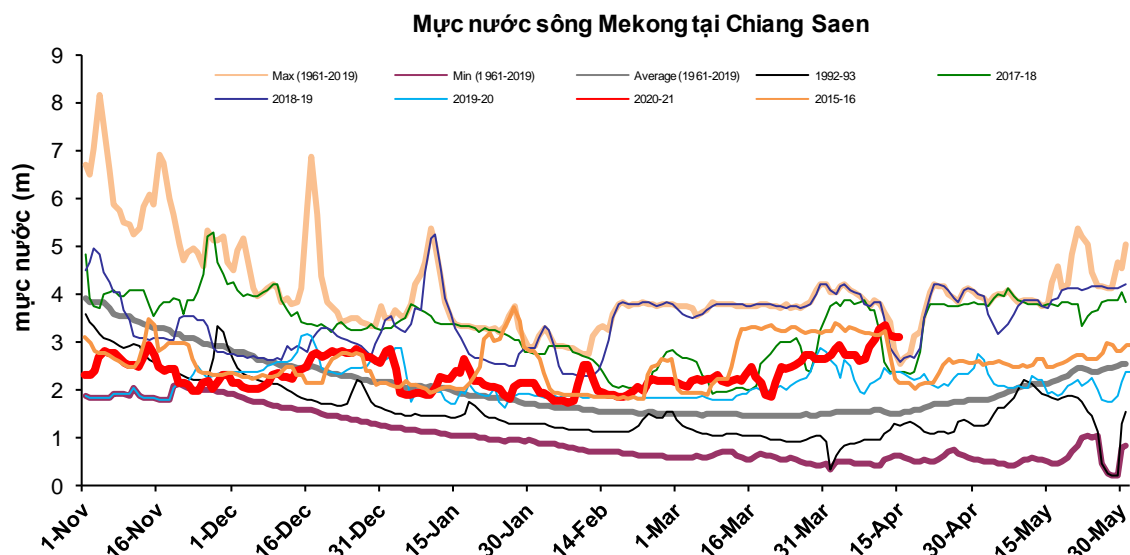
**1.2. Dòng chảy trên dòng chính sông Mê Công**

Bảng 1: So sánh mực nước các trạm chính và dung tích hồ Tonle Sap

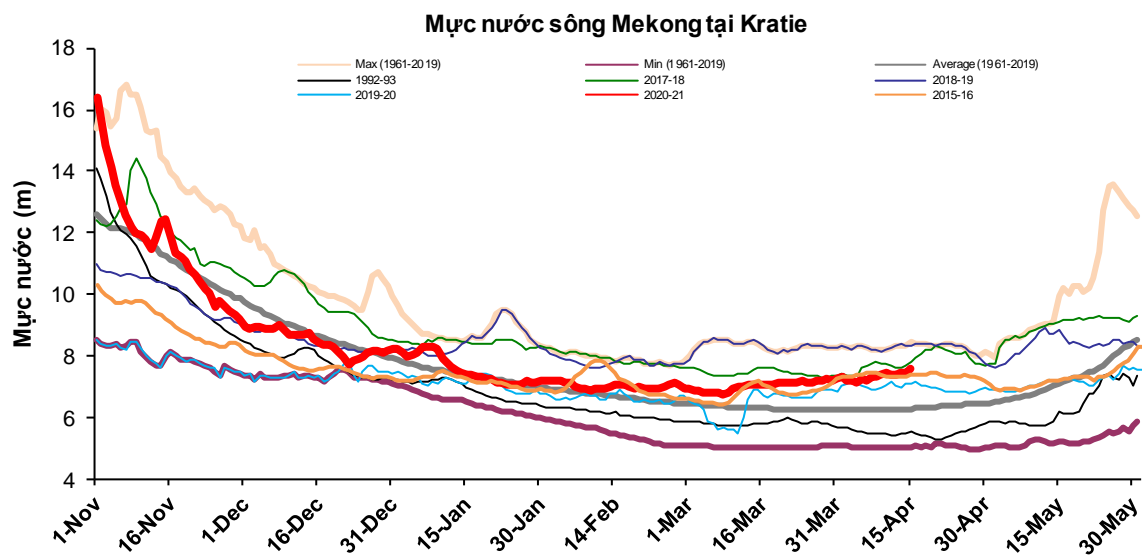
Trạm	Đơn vị	Ngày 15/04/2021	Khác biệt mực nước (m) và dung tích hồ (tỷ m <sup>3</sup> ) so với một số năm cùng thời điểm;				
			Năm TB	2019-2020	2018-2019	2017-2018	2015-2016
Chiang Saen	m	3,09	1,58	0,73	0,52	0,71	0,93
Kratie	m	7,55	1,27	0,43	-0,77	-0,26	0,19
Prekdam	m	0,96	0,00	-0,16	-0,19	-0,10	-0,12
Dung tích hồ	Tỷ m <sup>3</sup>	1,68	-0,23	0,08	-	-0,26	0,27

Ghi chú: (-) là thấp hơn

Hình 2 và Hình 3 cập nhật diễn biến mực nước đến ngày 15/04/2021 tại trạm Kratie và trạm Chiang Saen trên dòng chính sông Mê Công về đồng bằng:



Hình 2. Diễn biến mực nước (cao độ tương đối) tại Chiang Saen –Thái Lan, cập nhật 15/04/2021



Hình 3. Diễn biến mực nước về qua trạm Kratie, cập nhật ngày 15/04/2021

Bảng 2: So sánh mực nước lớn nhất cùng thời kỳ một số trạm trên đồng bằng

Trạm	Ngày 15/04/2021	Mực nước (m) so với một số năm cùng thời điểm (-) là thấp hơn					
		Năm TB	2016	2017	2018	2019	2020
Tân Châu	1,26	0,16	0,36	0,06	0,20	-	0,30
Châu Đốc	1,36	0,12	0,33	0,03	0,13	-	-0,02
Mỹ Thuận	1,17	0,11	0,46	0,05	0,03	-	0,13
Cần Thơ	1,28	0,13	0,48	0,10	0,04	-	0,20

Tuần qua, dòng chảy thượng nguồn sông Mê Công có xu thế ổn định và tăng nhẹ, dòng chảy đầu nguồn sông Cửu Long có xu thế tăng nhẹ theo triều, cụ thể:

- Tại trạm Kratie: Mực nước trong tuần qua có xu thế tăng nhẹ khi đã tăng 0,16m

so với tuần trước. Cụ thể, đến 7h ngày 15/04 mực nước tại Kratie đạt 7,55m, cao hơn 1,27m so với TBNN (6,28m), cao hơn 0,43m so với năm 2020 (7,12m), cao hơn 0,19m so với năm 2016 (7,36m).

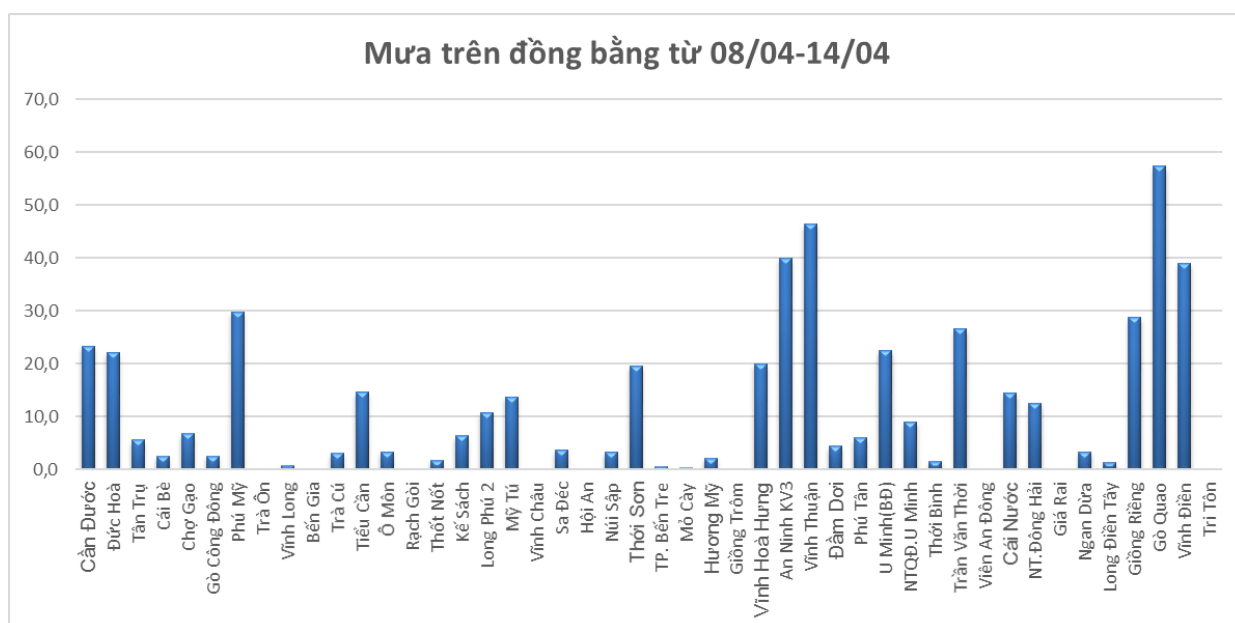
- Tại Biên Hồ: Dung tích Biên Hồ là 1,68 tỷ m<sup>3</sup>, thấp hơn 0,23 tỷ m<sup>3</sup> so với TBNN (1,91 tỷ m<sup>3</sup>), cao hơn 0,08 tỷ m<sup>3</sup> so với năm 2020 (1,6 tỷ m<sup>3</sup>), cao hơn 0,27 tỷ m<sup>3</sup> so với năm 2016 (1,41 tỷ m<sup>3</sup>).

- Tại Tân Châu và Châu Đốc: Mực nước tại trạm Tân Châu và Châu Đốc tuần qua có xu thế tăng khoảng 0,14m và biến đổi theo triều. Mực nước lớn nhất ngày 15/04 tại trạm Tân Châu đạt 1,26m, cao hơn 0,36m so với năm 2016 (0,9m), cao hơn 0,3m so với năm 2020 (0,96m). Tại Châu Đốc đạt 1,36m, cao hơn 0,33m so với năm 2016 (1,03m) và thấp hơn 0,02m so với năm 2020 (1,38m).

## 2. DIỄN BIẾN NGUỒN NƯỚC TRÊN ĐỒNG BẰNG VÀ DỰ BÁO TIỀM NĂNG NGUỒN NƯỚC MÙA KHÔ 3 VÙNG SINH THÁI ĐBSCL

### 2.1. Diễn biến mưa trên đồng bằng

Tình hình mưa trên đồng bằng từ ngày 08/04 đến ngày 14/04: trong tuần mưa xuất hiện hầu khắp trên đồng bằng, tập trung ở vùng ven biển Tây với lũy tích lượng mưa từ 40-60mm. Lũy tích lượng mưa lớn nhất ghi nhận được tại Gò Quao xấp xỉ 60mm, tại An Ninh, Vĩnh Thuận, Vĩnh Điền trên dưới 40mm.



Hình 4. Lũy tích lượng mưa một số vùng trên ĐBSCL, tuần từ 08/04 đến 14/04/2021

Dự báo trong tuần tới mưa tiếp tục xuất hiện hầu khắp trên đồng bằng (40-60mm), mưa tập trung lớn nhất ở vùng Tứ Giác Long Xuyên với lũy tích lượng mưa ước tính từ 60-80mm.

### 2.2. Hiện trạng xâm nhập mặn

Chiều sâu xâm nhập mặn lớn nhất trong tuần (từ ngày 8/4/2021 đến ngày 14/1/2021) có xu thế duy trì, tăng nhẹ ở vùng cửa sông Cừ Long, giảm ở vùng 2 sông Vàm Cỏ và sông Cái Lớn. Ranh mặn 4g/l xâm nhập tại các cửa sông như sau:

Bảng 3: Xâm nhập mặn theo các cửa sông trong tuần qua

Sông	Độ sâu xâm nhập mặn 2020-2021 (km)		So sánh với cùng kỳ (+/-km)	
	Trong tuần (từ ngày 8/4-14/4/2021)	So với tuần trước (từ ngày 1/4-7/4/2021)	2016	2020
<b>Vùng hai sông Vàm Cỏ</b>				
Vàm Cỏ Đông	65	-10	-30	-24
Vàm Cỏ Tây	81	-7	-23	-54
<b>Vùng cửa sông Cửu Long</b>				
Sông Cửa Tiểu	41	+2	-2	-43
Sông Cửa Đại	42	+2	-1	-42
Sông Hàm Luông	52	+0	-5	-26
Sông Cổ Chiên	38	+2	-9	-4
Sông Hậu	36	+0	-1	-7
<b>Vùng ven biển Tây trên sông Cái Lớn</b>				
Sông Cái Lớn	52	-2	-8	-5

### 2.3. Diễn biến và dự báo nguồn nước trên các vùng đồng bằng sông Cửu Long trong tuần

Nguồn nước mùa khô năm 2020-2021 về vùng Đồng bằng sông Cửu Long xấp xỉ so với trung bình 10 năm gần đây. Lưu lượng bình quân tháng 01/2021 tương đương so với trung bình và có cao hơn so với năm kiệt 2015-2016 và 2019-2020, lưu lượng bình quân các tháng 2 đến tháng 4 cao hơn trung bình nhiều năm do điều tiết của thủy điện. Chi tiết dự báo như bảng dưới.

Bảng 4: So sánh lưu lượng dự báo tại Kratie 2020-2021 với một số năm

Tháng	Qkratie (m <sup>3</sup> /s)	So với một số năm					
		Năm TB	2015-16	2016-17	2017-18	2018-19	2019-20
11/2020	11.763	1.276	5.390	-1	-791	3.645	7.445
12/2020	5.153	-434	1.311	-1.802	-2.370	-16	1.685
01/2021	3.716	288	583	-1.131	-1.374	-1.525	656
02/2021	2.909	458	-151	-689	-1.305	-1.155	518
03/2021	2.930	959	346	-1.490	-615	-1.970	786
04/2021	3.400	1.424	-9	-1.242	-732	-1.423	533

Trong tuần qua mặn có xu thế tăng và giảm lại trong tuần dự báo trùng với qui luật triều kém, mặn 4g/l xâm nhập vào sâu nhất trên dòng chính ít hơn tuần qua 1-5km, các cửa sông Cửu Long 40-50km, 65-82km trên sông Vàm Cỏ, khu vực ven biển Tây mặn tăng trở lại, vào sâu 50-55km trên sông Cái Lớn. Dưới đây là dự báo nguồn nước cho 3 vùng Đồng bằng sông Cửu Long:

- Vùng thượng ĐBSCL, bao gồm phần đất tỉnh An Giang, Đồng Tháp, thượng nguồn Long An, Kiên Giang và TP. Cần Thơ, nguồn nước hiện thuận lợi cho sản xuất, tận dụng thời điểm lấy nước ở các vị trí xa kênh trục.

- Vùng giữa ĐBSCL, bao gồm phần đất thuộc TP. Cần Thơ, tỉnh Tiền Giang, Long An, Kiên Giang, Hậu Giang, Đồng Tháp, tỉnh Vĩnh Long và vùng được kiểm soát

mặn ở Bạc Liêu, Sóc Trăng, Trà Vinh, Bến Tre: mặn xuất hiện sớm đã ảnh hưởng đến các cửa lấy nước vào các kỳ triều cường, cần chủ động tích và kiểm tra chất lượng nước khi lấy nước. Các vùng cách biển 35 km trở lên có thể tranh thủ lấy nước khi độ mặn cho phép trước khi mặn lên cao đợt cuối tháng 4.

- Vùng ven biển ĐBSCL: bao gồm ven biển các tỉnh ven biển ĐBSCL (Long An, Bến Tre, Trà Vinh, Sóc Trăng, Bạc Liêu, Cà Mau và tỉnh Kiên Giang): chủ động các biện pháp tích trữ nước ngay khi có thể, khi mặn rút ở các kỳ triều kém. Chủ động các biện pháp tích trữ nước bảo vệ các vườn cây trái và nước sinh hoạt.

### **3. KHUYẾN NGHỊ SẢN XUẤT VÀ QUẢN LÝ NƯỚC MÙA KIẾT 2021**

Dự báo tiềm năng nguồn nước mùa khô năm 2020-2021, nước về thấp ngay từ đầu mùa khô và mặn bất thường có thể xảy ra sớm ngay từ các tháng đầu mùa khô và kéo dài tới tháng 5, có thể còn xảy ra những biến động bất thường ở bất cứ thời điểm nào theo vận hành thủy điện và các thời tiết cực đoan, triều cường, gió Chướng. Vì vậy, các địa phương chủ động các giải pháp ứng phó, phòng chống hạn mặn. Dưới đây là một số khuyến cáo cho từng vùng:

- Vùng thượng ĐBSCL: nguồn nước đảm bảo cho sản xuất. Tăng cường các giải pháp cấp nước cho các vùng núi cao thuộc Tri Tôn, Tịnh Biên để phòng hạn ở các vùng này.

- Vùng giữa ĐBSCL: Tăng cường các giải pháp bảo vệ nguồn nước, tích trữ nước và bơm hút khi cần. Khi lấy ngọt hoặc tưới cho cây trồng cần kiểm tra chặt chẽ độ mặn, nhất là đối với cây ăn quả. Còn đợt xâm nhập mặn cao trên các cửa sông Cửu Long trong tháng vào kỳ triều cường 24/4-30/4, các địa phương chủ động tích nước để ứng phó với mặn tăng trở lại ở kì triều cường.

- Vùng ven biển ĐBSCL: xâm nhập mặn dự báo tại các cửa sông Cửu Long cao trong tháng 2, duy trì cao trong tháng 3, giảm dần ở tháng 6. Chủ động các giải pháp bơm trữ nước và cấp nước sinh hoạt. *Kiểm soát chặt chẽ các cống kiểm soát mặn và tích trữ nước phục vụ sản xuất giảm thiểu thiệt hại mặn.*

### **4. KẾT LUẬN - KIẾN NGHỊ**

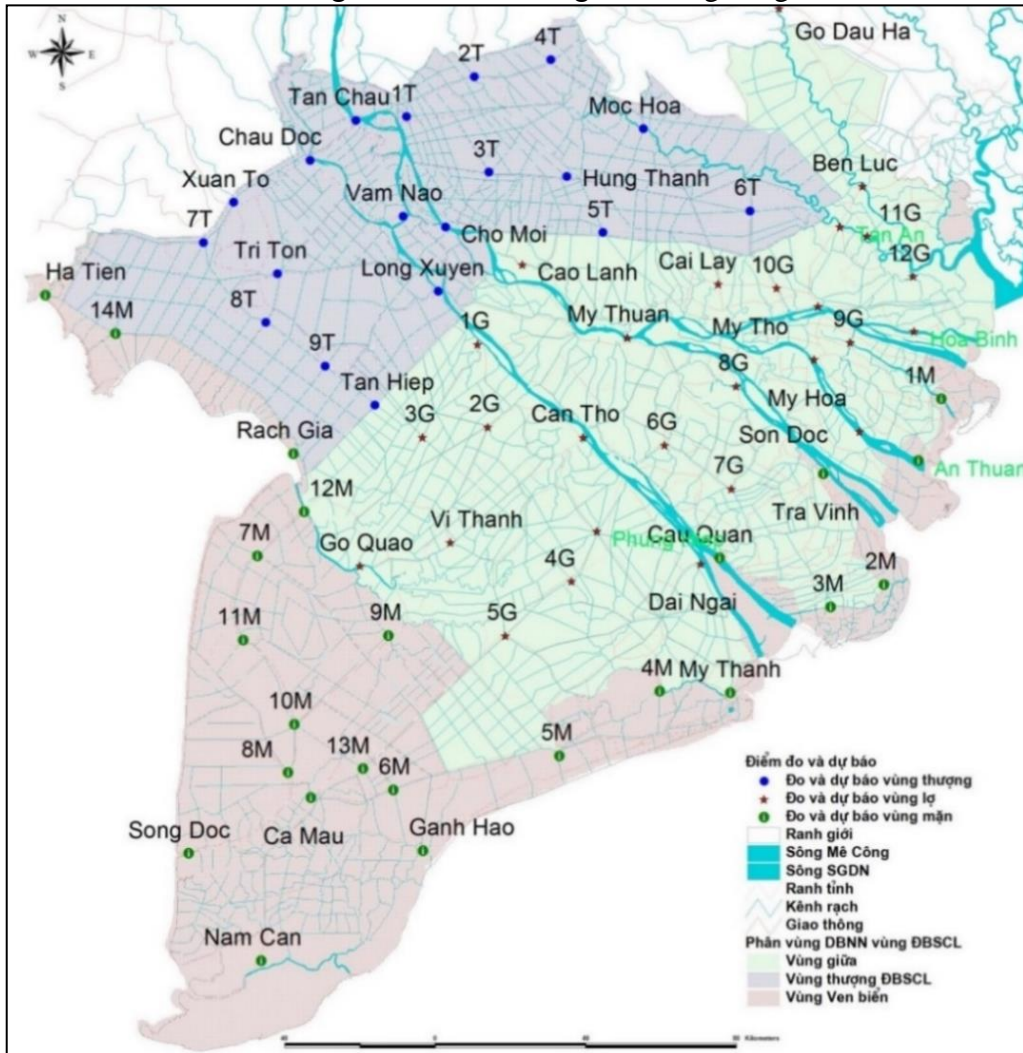
Dự báo nguồn nước mùa kiệt 2020-2021 về đồng bằng thấp, dự báo từ cuối tháng 3 nước điều tiết gia tăng từ thủy điện sẽ làm giảm xâm nhập mặn các tháng cuối mùa kiệt. Tuy nhiên, các địa phương vẫn chủ động các biện pháp phòng chống hạn mặn cao trong các kỳ triều cường ở tháng 4: Vận hành hệ thống công trình hợp lý, tăng cường khả năng lấy nước ngay khi có thể, hạn chế tiêu thoát, đảm bảo tích trữ nước trước khi các ảnh hưởng gia tăng từ thượng nguồn về. Đồng thời tăng cường công tác giám sát mặn, cập nhật các bản tin dự báo thường xuyên để điều chỉnh kế hoạch phù hợp với các diễn biến nguồn nước. Thông thường vào dịp Tết của người Khmer 14-16/4, những năm gần đây thường có việc giảm xả nước từ Thủy điện Trung Quốc, năm nay xem như không có thay đổi đáng kể xả thủy điện này, nguồn nước hiện khá ổn định. Các địa phương tiếp tục theo dõi thông tin cập nhật để điều hành sản xuất.

**VIỆN KHOA HỌC THỦY LỢI MIỀN NAM**

**Ghi chú :**

- Việc dự báo nguồn nước mùa khô đang được thực hiện tại Viện Khoa học Thủy lợi miền Nam theo sự phân công của Bộ. Bản tin dự báo sẽ được tiếp tục cập nhật các tuần kế tiếp và được đăng trên Website: <http://www.siwrr.org.vn>
- Ngoài ra để phục vụ kịp thời cho sản xuất, kính đề nghị các địa phương có các thông tin về tình hình xâm nhập mặn, nguồn nước, sản xuất hoặc có yêu cầu khác xin gửi về Viện theo email: vkhtlmn@gmail.com; dbnn.dbscl19@gmail.com và tncnbvmt@gmail.com./.

Phụ lục 1: Bản đồ vị trí dự báo nguồn nước các vùng trên đồng bằng



Phụ lục 2: Cập nhật mực nước lớn nhất các vùng trên ĐBSCL

STT	Trạm	15/04	Ngày dự báo						
			16/04	17/04	18/04	19/04	20/04	21/04	22/04
<b>I. Vùng Thượng đồng bằng</b>									
1	2T	0,85	0,85	0,87	0,89	0,90	0,89	0,89	0,88
2	3T	0,89	0,90	0,90	0,91	0,90	0,90	0,89	0,85
3	4T	0,45	0,46	0,46	0,47	0,49	0,52	0,54	0,52
4	5T	0,53	0,54	0,54	0,56	0,57	0,59	0,60	0,51
5	6T	0,61	0,61	0,62	0,64	0,66	0,67	0,67	0,61
6	7T	0,35	0,35	0,36	0,36	0,36	0,37	0,36	0,39
7	8T	0,28	0,28	0,29	0,29	0,30	0,31	0,30	0,27
8	9T	0,28	0,28	0,30	0,31	0,32	0,34	0,33	0,30
9	Châu Đốc	1,35	1,35	1,33	1,38	1,40	1,36	1,27	1,28
10	Hưng Thạnh	0,72	0,73	0,74	0,76	0,78	0,81	0,82	0,78
11	Long Xuyên	1,30	1,31	1,29	1,31	1,27	1,12	1,10	1,13
12	Mộc hóa	0,56	0,56	0,57	0,58	0,60	0,61	0,62	0,58
13	Tân Châu	1,25	1,24	1,27	1,30	1,31	1,26	1,23	1,23
14	Tân Hiệp	0,28	0,28	0,30	0,32	0,34	0,36	0,36	0,33
15	Tri Tôn	0,30	0,30	0,31	0,31	0,32	0,33	0,32	0,29
16	Vàm Nao	1,05	1,07	1,06	1,06	1,02	0,98	0,96	0,92
17	Xuân Tô	0,37	0,37	0,38	0,38	0,38	0,39	0,38	0,41
<b>II. Vùng Giữa đồng bằng</b>									
1	10G	0,83	0,85	0,87	0,87	0,82	0,70	0,71	0,77
2	1G	1,28	1,27	1,25	1,25	1,18	1,01	1,05	1,08
3	2G	1,27	1,25	1,23	1,22	1,13	0,95	1,02	1,06
4	4G	0,88	0,88	0,91	0,88	0,78	0,64	0,70	0,76
5	5G	0,86	0,86	0,89	0,86	0,76	0,62	0,68	0,74
6	8G	1,17	1,16	1,15	1,14	1,07	0,89	0,95	1,03
7	9G	1,17	1,17	1,16	1,11	1,01	0,80	0,87	1,01
8	Bến Lức	0,95	0,96	0,97	0,97	0,93	0,86	0,74	0,76
9	Cần Thơ	1,26	1,22	1,20	1,19	1,08	0,89	0,99	1,03
10	Cao Lãnh	1,09	1,12	1,13	1,15	1,14	1,09	1,02	0,96
11	Gò Dầu Hạ	0,55	0,58	0,61	0,68	0,70	0,67	0,61	0,51
12	Vàm Kênh	1,00	0,98	0,95	0,94	0,87	0,71	0,78	0,88
13	Mỹ Hoà	1,13	1,13	1,13	1,09	0,99	0,78	0,86	0,99
14	Mỹ Tho	1,20	1,20	1,18	1,13	1,02	0,82	0,88	1,02
15	Mỹ Thuận	1,20	1,19	1,17	1,18	1,14	0,99	1,03	1,07
16	Phụng Hiệp	0,90	0,90	0,93	0,90	0,80	0,66	0,72	0,78
17	Tân An	1,15	1,15	1,14	1,10	1,02	0,90	0,92	1,02
18	Vị Thanh	0,40	0,41	0,43	0,45	0,46	0,48	0,48	0,45



STT	Trạm	15/04	Ngày dự báo						
			16/04	17/04	18/04	19/04	20/04	21/04	22/04
<b>III. Vùng ven biển</b>									
1	10M	0,69	0,70	0,71	0,72	0,76	0,79	0,80	0,77
2	12M	0,35	0,38	0,40	0,42	0,45	0,44	0,46	0,46
3	13M	0,71	0,72	0,73	0,74	0,78	0,81	0,82	0,79
4	6M	0,66	0,67	0,68	0,69	0,73	0,76	0,77	0,74
5	7M	0,34	0,37	0,39	0,41	0,44	0,43	0,45	0,45
6	8M	0,68	0,69	0,70	0,71	0,75	0,78	0,79	0,76
7	9M	0,64	0,65	0,66	0,67	0,71	0,74	0,75	0,72
8	Cà Mau	0,70	0,71	0,72	0,73	0,77	0,80	0,81	0,78
9	Rạch Giá	-0,01	-0,01	0,03	0,04	0,07	0,08	0,06	0,09